

Số: 1896/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 15 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Chương trình “Chăm sóc dinh dưỡng
1.000 ngày đầu đời nhằm phòng chống suy dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em,
nâng cao tầm vóc người Việt Nam”**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ ban hành Chương hành động thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Y tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Chương trình “Chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời nhằm phòng chống suy dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em, nâng cao tầm vóc người Việt Nam” với những nội dung sau đây:

1. Mục tiêu: Cải thiện tình trạng dinh dưỡng của phụ nữ có thai và trẻ em dưới 2 tuổi, góp phần nâng cao tầm vóc, thể lực người Việt Nam, cụ thể:

a) Cải thiện tình trạng dinh dưỡng của phụ nữ có thai và trẻ em

- Đến năm 2025: tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi dưới 20%; tỷ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân ở trẻ em dưới 5 tuổi dưới 11%, riêng tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi dưới 15%; tỷ lệ trẻ có cân nặng sơ sinh thấp (dưới 2.500 gram) dưới 8%; tỷ lệ thiếu máu ở phụ nữ có thai dưới 23% , riêng ở vùng miền núi dưới 25,5%.

- Đến năm 2030: tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi dưới 19%; tỷ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân ở trẻ em dưới 5 tuổi dưới 10,5%;



tỷ lệ trẻ có cân nặng sơ sinh thấp (dưới 2.500 gram) dưới 7%; tỷ lệ thiếu máu ở phụ nữ có thai xuống dưới 20%, riêng ở vùng miền núi dưới 23,5%.

b) Nâng cao tỷ lệ thực hành về chăm sóc dinh dưỡng 1000 ngày đầu đời cho người chăm sóc trẻ.

- Đến năm 2025: 80% bà mẹ thực hành cho trẻ bú sớm và 25% bà mẹ cho trẻ bú mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu; 60% bà mẹ tiếp tục cho trẻ bú mẹ đến khi trẻ được 24 tháng tuổi hoặc lâu hơn; 70% bà mẹ cho trẻ từ 6 - 24 tháng tuổi ăn bổ sung đúng cách.

- Đến năm 2030: 85% bà mẹ thực hành cho trẻ bú sớm và 30% bà mẹ cho trẻ bú mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu; 70% bà mẹ tiếp tục cho trẻ bú mẹ đến khi trẻ được 24 tháng tuổi hoặc lâu hơn; 80% bà mẹ cho trẻ từ 6 - 24 tháng tuổi ăn bổ sung đúng cách.

2. Các giải pháp và nhiệm vụ chủ yếu:

a) Về thể chế, chính sách và chỉ đạo điều hành

- Rà soát, nghiên cứu hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời, trong đó có hỗ trợ phụ nữ có thai, bà mẹ cho con bú và trẻ em dưới 24 tháng tuổi tại các địa phương khó khăn, vùng sâu, vùng xa và vùng dân tộc thiểu số.

- Xây dựng các chỉ tiêu về dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời và đưa vào hệ thống chỉ tiêu phát triển kinh tế, xã hội tại từng địa phương; xây dựng thực đơn dinh dưỡng phù hợp theo nhóm đối tượng và vùng miền. Lồng ghép các chỉ tiêu về dinh dưỡng trong chương trình này với các chỉ tiêu về dinh dưỡng của các chương trình liên quan tại địa phương.

- Tăng cường hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát việc xây dựng kế hoạch và hệ thống chỉ tiêu, bố trí kinh phí, thực thi chính sách hỗ trợ phụ nữ có thai, bà mẹ cho con bú và trẻ em dưới 24 tháng tuổi; việc thực hiện Nghị định số 100/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh và sử dụng các sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ nhỏ, bình bú và vú ngậm nhân tạo.

- Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả công tác phối hợp liên ngành trong chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời; chú trọng phối hợp với Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam trong việc thực hiện Chương trình.

b) Về thông tin, truyền thông và vận động thay đổi hành vi về chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời

- Tăng cường công tác thông tin, truyền thông và vận động về lợi ích của việc khám thai định kỳ và chăm sóc dinh dưỡng cho phụ nữ có thai, bú sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu, cho trẻ ăn bổ sung hợp lý, bổ sung vi chất dinh dưỡng.



- Tập trung cung cấp thông tin và truyền thông vận động đối với phụ nữ có thai, bà mẹ nuôi con nhỏ, người chăm sóc trẻ và gia đình, đặc biệt là các đối tượng ở vùng sâu vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Đa dạng hóa các phương thức truyền thông phù hợp với các nhóm đối tượng. Chú trọng thông tin, truyền thông qua hệ thống cơ sở, cán bộ y tế cơ sở, hội phụ nữ, thông tin tại thôn bản thuộc vùng sâu, vùng xa.

- Phổ biến kiến thức và kỹ năng truyền thông cho cán bộ y tế, cán bộ hội phụ nữ các cấp, nhất là cấp cơ sở về chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời.

- Tổ chức các hoạt động biểu dương, tôn vinh bằng hình thức phù hợp đối với các tổ chức, cá nhân có thành tích, các mô hình thực hiện có hiệu quả (như bệnh viện thực hành nuôi con bằng sữa mẹ xuất sắc, thiết lập và vận hành ngân hàng sữa mẹ).

c) Về chuyên môn kỹ thuật:

- Triển khai toàn diện các can thiệp về chăm sóc dinh dưỡng cho 1.000 ngày đầu đời bao gồm: thực hiện chăm sóc sức khỏe và bảo đảm dinh dưỡng hợp lý cho bà mẹ trước, trong và sau sinh; nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu; ăn bổ sung hợp lý cho trẻ dưới 2 tuổi; định kỳ theo dõi tăng trưởng và phát triển của trẻ.

- Hướng dẫn dinh dưỡng phù hợp với từng đối tượng và địa bàn.

- Xác định nhóm đối tượng ưu tiên và khu vực cần được can thiệp dựa theo các tiêu chí về suy dinh dưỡng thấp còi, tình trạng dinh dưỡng của phụ nữ có thai, bà mẹ nuôi con nhỏ và điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, trước hết là tại các xã đặc biệt khó khăn thuộc vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Tập huấn, cập nhật kiến thức cho cán bộ y tế tuyến cơ sở, đội ngũ y tế thôn bản, các cô đỡ thôn bản về chăm sóc sức khỏe và bảo đảm dinh dưỡng hợp lý, tư vấn nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu; hướng dẫn ăn bổ sung hợp lý cho trẻ dưới 2 tuổi; theo dõi tăng trưởng và phát triển của trẻ em dưới 2 tuổi.

- Xây dựng các mô hình, triển khai điểm tại một số xã đặc biệt khó khăn.

d) Về kinh phí

- Ngân sách nhà nước bảo đảm theo khả năng cân đối ngân sách và theo phân cấp ngân sách hiện hành, được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của cơ quan, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ y tế, dân số, lồng ghép trong các Chương trình, Dự án có liên quan theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.



- Kinh phí từ nguồn dự án chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số, phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 theo Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội.

- Huy động sự tham gia, đóng góp, hỗ trợ của các tổ chức trong và ngoài nước, đặc biệt trong việc sản xuất và cung ứng các vi chất dinh dưỡng cho phụ nữ có thai và trẻ em.

đ) Về theo dõi, giám sát và đánh giá

- Xây dựng các chỉ báo giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình.

- Thiết lập hệ thống theo dõi, thu thập thông tin phục vụ cho việc, đánh giá, giám sát về kết quả thực hiện Chương trình.

- Thực hiện khảo sát, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện Chương trình tại các địa phương.

Điều 2. Tổ chức thực hiện chương trình

1. Bộ Y tế có trách nhiệm:

- Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Dân tộc, Bộ Tài chính rà soát, nghiên cứu, đề xuất Thủ tướng Chính phủ xem xét, hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương cho một số địa phương có tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi cao và khó khăn về ngân sách; phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh có liên quan xây dựng và tổ chức thực hiện một số mô hình triển khai điểm về chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời tại xã đặc biệt khó khăn ở vùng miền núi phía Bắc, duyên hải miền Trung, Tây Nguyên.

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính nghiên cứu, báo cáo Thủ tướng Chính phủ việc cung cấp miễn phí một số loại vi chất dinh dưỡng thiết yếu cho phụ nữ có thai và bổ sung vi chất dinh dưỡng cho trẻ em dưới 2 tuổi bị suy dinh dưỡng thuộc vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Xây dựng các tài liệu, hướng dẫn kỹ thuật về chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời để cung cấp cho các cơ quan, tổ chức truyền thông; tổ chức tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ y tế cấp tỉnh, cán bộ hội phụ nữ cấp trung ương, cấp tỉnh.

- Phối hợp với Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam xây dựng các chuyên mục phát thanh truyền hình để thông tin tuyên truyền và vận động thực hiện chế độ chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời.

- Tăng cường hợp tác quốc tế trong nghiên cứu, đào tạo, phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để thực hiện chương trình; lồng ghép các dự án hợp tác quốc tế; chia sẻ các bài học kinh nghiệm quốc tế trong việc triển khai thực hiện chương trình để đạt các mục tiêu về chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá, định kỳ sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm.

- Báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện Chương trình trước ngày 20 tháng 12 hàng năm.

2. Bộ Tài chính có trách nhiệm:

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Y tế, bố trí ngân sách để thực hiện chương trình theo quy định của pháp luật.

- Phối hợp với Bộ Y tế rà soát, nghiên cứu, đề xuất Thủ tướng Chính phủ xem xét, hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương cho một số địa phương có tình lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi cao, khó khăn về ngân sách để cung cấp miễn phí một số loại vi chất dinh dưỡng thiết yếu cho phụ nữ có thai, bổ sung vi chất dinh dưỡng cho trẻ em dưới 2 tuổi bị suy dinh dưỡng thuộc vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

3. Ủy ban Dân tộc:

- Chủ trì thực hiện việc tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số thực hiện chế độ dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời, từ bỏ các hủ tục tập quán lạc hậu để thực hiện các hành vi có lợi cho sức khỏe bà mẹ, trẻ em.

- Phối hợp với Bộ Y tế, Ủy ban nhân dân tỉnh có liên quan xây dựng và thực hiện các mô hình triển khai điểm tại các xã đặc biệt khó khăn ở vùng miền núi phía Bắc, duyên hải miền Trung, Tây Nguyên.

4. Bộ Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Y tế và các bộ, ngành liên quan chỉ đạo các cơ quan thông tấn báo chí tăng cường thông tin, tuyên truyền về chăm sóc dinh dưỡng 1000 ngày đầu đời.

- Quản lý, kiểm soát việc quảng cáo trên phương tiện thông tin đại chúng đối với các sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ em theo đúng quy định của pháp luật.

5. Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam

- Tăng cường các chuyên mục, chuyên đề về dinh dưỡng và chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời.

- Chủ trì, phối hợp với ngành y tế thường xuyên tổ chức các tọa đàm, chuyên mục giải đáp, hướng dẫn, đối thoại, chương trình phát thanh truyền hình chuyên đề về chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời.

6. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:

- Xây dựng các chỉ tiêu cụ thể nhằm cải thiện tình trạng dinh dưỡng phụ nữ có thai, trẻ em dưới 2 tuổi phù hợp với các chỉ tiêu của Chương trình và đưa vào chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

- Bố trí kinh phí từ ngân sách địa phương để thực hiện chương trình; tổ chức thực hiện, kiểm tra việc thực hiện Chương trình trên địa bàn; trước ngày 30 tháng 11 hằng năm, báo cáo kết quả thực hiện Chương trình về Bộ Y tế để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

- Chỉ đạo thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền, vận động thực hiện Chương trình trên địa bàn.

- Ủy ban nhân dân các tỉnh thuộc vùng miền núi phía Bắc, duyên hải miền Trung, Tây Nguyên phối hợp Bộ Y tế, xây dựng và tổ chức thực hiện một số mô hình triển khai điểm về chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời.

7. Đề nghị Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam vận động hội viên và gia đình hội viên thực hiện chế độ chăm sóc dinh dưỡng đối với phụ nữ có thai, trẻ em dưới 2 tuổi, chú trọng các nội dung như chăm sóc bà mẹ trước sinh, tư vấn, hướng dẫn cho con bú sữa mẹ, bổ sung vi chất, thực hiện dinh dưỡng hợp lý.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Hội đồng Dân tộc của Quốc hội;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ: KTTH, QHĐP, NN, TKBT, TH;
- Lưu: VT, KGVX (2).



Vũ Đức Đam